TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **32**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2022
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Khôi

2. Ông Phạm Công Gia

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn L, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ 8, Ấp 1, xã Phú L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 3 năm 2022 và lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn anh Lê Văn L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị P tự nguyện chung sống với nhau năm 2017 và được Ủy ban nhân dân xã Phú L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chứng nhận kết hôn vào ngày 21/3/2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, anh và chị P chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường hay cãi nhau. Vợ chồng đã quyết định sống ly thân từ tháng 11/2021 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

- Về nuôi con: Anh và chị P không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Anh trình bày anh và chị P không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 4 năm 2022, bị đơn chị Nguyễn Thị P bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh L kết hôn tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định là đúng sự thật. Chị và anh L chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường hay cãi nhau. Vợ chồng đã quyết định sống ly thân từ tháng 11/2021 cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm không còn nên chị đồng ý ly hôn với anh Lê Văn L.

- Về nuôi con: Chị và anh L không có con chung và bản thân chị hiện tại không có mang thai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết,

- Về tài sản: Chị trình bày chị và anh L không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết nguyên đơn đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn khởi kiện, Căn cước công dân và Sổ hộ khẩu của đương sự (Bản phô tô) và Trích lục kết hôn (Bản sao). Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ trên cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ: Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai của đương sự, Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của các đương sự. Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn L.

- Về hôn nhân: Anh Lê Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

- Về con chung: Anh L và chị P trình bày anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về tài sản: Anh L và chị P trình bày anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Về án phí : Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn chị Nguyễn Thị P có nơi cư trú tại xã T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh Lê Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị Nguyễn Thị P, vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh L là người khởi kiện nên xác định tư cách đối với các đương sự anh L là nguyên đơn và chị P là bị đơn, được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Nguyên đơn có mặt tại phiên hòa giải, bị đơn triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các đương sự có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh L và chị P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Phú L, huyện Tân Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 21/03/2017. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Anh L trình bày trong quá trình chung sống thì anh chị có xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, không tin tưởng lẫn nhau. Hiện nay vợ chồng anh chị đã không còn chung sống, hai bên có nói chuyện để hòa giải nhưng không thành. Chị P thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nên chị đồng ý ly hôn. Tuy nhiên sau khi trình bày ý kiến của mình thì chị P vắng mặt và không đến Tòa án làm việc.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, anh L và chị P không còn tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về nuôi con: Anh L, chị P không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản: Anh L, chị P bày không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1**.** Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn L.

- Về hôn nhân: Anh Lê Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

- Về nuôi con: Anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị P không có con chung nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

2**.** Về án phí: Anh Lê Văn L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002398 ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3**.** Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai(Số 18, ngày 21/3/2017) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Hà Văn Phi